

ĐỀ SỐ 3 (UNIT 9 & 10)

I - Give the correct forms of the words in brackets to complete the following sentences.

1. Philip Lasser is a _____ director from New York City. (MUSIC)
2. We can turn on appliances in our home via _____ connection in the future. (WIRE)
3. Some household _____ are too expensive for me to buy. (APPLY)

II - Complete the following sentences using the given words in the box. There is ONE extra word.

design	Australia	modern	tower
--------	-----------	--------	-------

1. Eiffel _____ is a famous landscape in Paris - French capital city.
2. Sydney is one of the largest cities in _____ but not the capital of the country.
3. Many new and _____ appliances will be available in our house in the future.

III - Put the verbs in brackets into the correct form.

1. I (visit) _____ that city for many times.
2. Modern appliances (help) _____ us do domestic chores in the future.
3. _____ solar energy (be) _____ enough for our needs in the house?
4. _____ you ever (talk) _____ to a foreigner?
5. People (not stop) _____ using fossil fuel in the near future.
6. I'm waiting for Mary, but she (not come) _____ yet.

ĐÁP ÁN

I - Give the correct forms of the words in brackets to complete the following sentences.

1. Đáp án: musical

Giải thích: Sau vị trí cần điền là danh từ “director” nên ta cần một tính từ. Tính từ phái sinh từ danh từ “music” (âm nhạc) phù hợp với nghĩa của câu là “musical” (thuộc về âm nhạc).

Dịch nghĩa: Philip Lasser is a musical director from New York City. (*Philip Lasser là một Giám đốc Âm nhạc đến từ thành phố New York.*)

2. Đáp án: wireless

Giải thích: Sau vị trí cần điền là danh từ “connection” nên ta cần một tính từ. Tính từ phái sinh từ danh từ “wire” (dây điện) phù hợp với nghĩa của câu là “wireless” (không dây).

Dịch nghĩa: We can turn on appliances in our home via wireless connection in the future. (*Chúng ta có thể bật các thiết bị trong nhà thông qua kết nối không dây trong tương lai.*)

3. Đáp án: appliances

Giải thích: Trước vị trí cần điền là danh từ “household” đóng vai trò một tính từ nên ta cần một danh từ. Danh từ phái sinh từ động từ “apply” (ứng dụng) phù hợp với nghĩa của câu là “appliances” (thiết bị).

Dịch nghĩa: Some household appliances are too expensive for me to buy. (*Một số thiết bị gia dụng quá đắt để tôi có thể mua.*)

II - Complete the following sentences using the given words in the box. There is ONE extra word.

1. Đáp án: tower

Giải thích: Ta có danh từ ghép “Eiffel tower”: tháp É-p-phen.

Dịch nghĩa: Eiffel tower is a famous landscape in Paris - French capital city. (*Tháp Eiffel là một cảnh quan nổi tiếng ở Paris - thủ đô của Pháp.*)

2. Đáp án: Australia

Giải thích: Trước vị trí cần điền là giới từ “in” nên ta cần một danh từ. Dựa vào nghĩa của câu, danh từ “Australia” (nước Úc) là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: Sydney is one of the largest cities in Australia but not the capital of the country. (*Sydney là một trong những thành phố lớn nhất ở Úc nhưng không phải là thủ đô của nước này.*)

3. Đáp án: modern

Giải thích: Sau vị trí cần điền là danh từ “appliances” nên ta cần một tính từ. Dựa vào nghĩa của câu, tính từ “modern” (hiện đại) là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: Many new and modern appliances will be available in our house in the future. (*Nhiều thiết bị mới và hiện đại sẽ có trong nhà của chúng ta trong tương lai.*)

III- Put the verbs in brackets into the correct form.

1. Đáp án: have visited

Giải thích: Trong câu có cụm trạng từ “for many times” (nhiều lần rồi) thể hiện kinh nghiệm của người nói nên động từ “visit” (đến thăm) được chia ở thì hiện tại hoàn thành (have visited).

Dịch nghĩa: I have visited that city for many times. (*Tôi đã đến thăm thành phố đó nhiều lần.*)

2. Đáp án: will help

Giải thích: Câu đưa ra khả năng “thiết bị hiện đại sẽ giúp...” trong tương lai nên động từ “help” (giúp đỡ) chia ở thì tương lai đơn (will help).

Dịch nghĩa: Modern appliances will help US do domestic chores in the future. (*Các thiết bị hiện đại sẽ giúp chúng ta làm việc nhà trong tương lai.*)

3. Đáp án: Will - be

Giải thích: Câu hỏi về khả năng “năng lượng mặt trời đủ cho nhu cầu...” trong tương lai hay không nên động từ “to be” chia ở thì tương lai đơn dạng nghi vấn (will...be).

Dịch nghĩa: Will solar energy be enough for our needs in the house? (*Năng lượng mặt trời sẽ đủ cho nhu cầu trong nhà của chúng ta không?*)

4. Đáp án: Have - talked

Giải thích: Câu hỏi về kinh nghiệm của người nghe “đã bao giờ nói chuyện với người nước ngoài chưa” nên động từ “talk” (nói chuyện) được chia ở thì hiện tại hoàn thành dạng nghi vấn (Have...talked).

Dịch nghĩa: Have you ever talked to a foreigner? (*Bạn đã bao giờ nói chuyện với người nước ngoài chưa?*)

5. Đáp án: won't stop

Giải thích: Việc “con người sẽ không ngừng việc dùng nhiên liệu hóa thạch” là điều sẽ diễn ra trong tương lai nên động từ “stop” (ngừng) được chia ở thì tương lai đơn dạng phủ định (won't stop).

Dịch nghĩa: People won't stop using fossil fuel in the near future. (*Con người sẽ không ngừng sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong tương lai gần.*)

6. Đáp án: hasn't come

Giải thích: Việc “cô ấy chưa về” kéo dài từ quá khứ đến hiện tại nên động từ “come” (đến) được chia ở thì hiện tại hoàn thành dạng phủ định (hasn't come).

Dịch nghĩa: I'm waiting for Mary, but she hasn't come yet. (*Tôi đang đợi Mary, nhưng cô ấy vẫn chưa đến.*)